

TỔNG HỢP PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 335/NQ-HĐND ngày 09/5/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên Đơn vị	Kinh phí sự nghiệp và đối ứng phân bổ			Dự án 2 : Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			Dự án 3: Hỗ trợ phát triển SX, cải thiện dinh dưỡng						Dự án 4: Phát triển GDNN, việc làm bền vững						Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.						Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình									
		Tổng kinh phí phân bổ	NS TW bổ sung có mục tiêu	NS TP đối ứng				Cộng Dự án 3	Tiêu DA1: Hỗ trợ phát triển SX trong lĩnh vực NN			Tiêu DA2 : Cải thiện dinh dưỡng			Cộng Dự án 4	Tiêu DA1: Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn			Tiêu DA3 : Hỗ trợ làm việc bền vững			Cộng Dự án 6	Tiêu DA1 : Giảm nghèo về thông tin			Tiêu DA2 : Truyền thông về Giảm nghèo đa chiều			Cộng Dự án 7	Tiêu DA1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			Tiêu DA2: Giám sát, đánh giá		
									Cộng	NS TW	NS TP	Cộng	NS TW	NS TP		Cộng	NS TW	NS TP	Cộng	NS TW	NS TP		Cộng	NS TW	NS TP	Cộng	NS TW	NS TP		Cộng	NS TW	NS TP	Cộng	NS TW	NS TP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
	Tổng cộng	8,864	7,708	1,156	3,560	3,560	-	2,405	2,000	2,000	-	405	405	-	1,170	615	615	-	555	-	555	581	260	260	-	321	130	191	1,148	793	383	410	355	355	-
1	UBND phường Đô Vinh	460	375	85	240	240		20	0	-		20	20		85	30	30		55		55	40	20	20		20	10	10	75	50	30	20	25	25	
2	UBND phường Bảo An	455	390	65	160	160		115	80	80		35	35		65	30	30		35		35	40	20	20		20	10	10	75	50	30	20	25	25	
3	UBND phường Phước Mỹ	665	570	95	240	240		200	160	160		40	40		75	40	40		35		35	50	20	20		30	10	20	100	70	30	40	30	30	
4	UBND xã Thành Hải	390	325	65	120	120		100	80	80		20	20		55	20	20		35		35	40	20	20		20	10	10	75	50	30	20	25	25	
5	UBND phường Phú Hà	365	280	85	80	80		95	80	80		15	15		55	20	20		35		35	40	20	20		20	10	10	95	70	30	40	25	25	
6	UBND phường Kinh Dinh	630	515	115	200	200		185	160	160		25	25		85	40	40		45		45	50	20	20		30	10	20	110	80	30	50	30	30	
7	UBND phường Đạo Long	455	390	65	120	120		150	120	120		30	30		65	30	30		35		35	40	20	20		20	10	10	80	50	30	20	30	30	
8	UBND phường Đài Sơn	353	278	75	160	160		20	0	-		20	20		55	20	20		35		35	40	20	20		20	10	10	78	53	23	30	25	25	
9	UBND phường Mỹ Bình	385	320	65	120	120		95	80	80		15	15		55	20	20		35		35	40	20	20		20	10	10	75	50	30	20	25	25	
10	UBND phường Mỹ Hải	660	595	65	440	440		25	0	-		25	25		80	45	45		35		35	40	20	20		20	10	10	75	50	30	20	25	25	
11	UBND phường Mỹ Đông	1,345	1,230	115	560	560		470	400	400		70	70		165	110	110		55		55	50	20	20		30	10	20	100	70	30	40	30	30	
12	UBND phường Đông Hải	1,801	1,655	146	800	800		615	560	560		55	55		215	150	150		65		65	61	20	20		41	10	31	110	80	30	50	30	30	
13	UBND phường Văn Hải	900	785	115	320	320		315	280	280		35	35		115	60	60		55		55	50	20	20		30	10	20	100	70	30	40	30	30	